

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH C.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày 17-02-2023
V/v tranh chấp “Tiền hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH C.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Hữu Hiệp;
2. Bà Trịnh Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh C..

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh C. tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Thị Bích Nhân – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh C. xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc “tranh chấp tiền hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn D1, sinh năm 1983

Bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh C .

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh C ..

(Ông D1, bà D2 có mặt, bà L vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 5 năm 2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D2 và ông Lê Văn D1 trình bày: vợ chồng bà làm chủ hui, bà L là hui viên có tham gia chơi hui cụ thể: Dây hui mở ngày 16/6/2019 âm lịch loại hui 2.000.000 đồng/tháng, có 29 hui viên, bà L tham gia 01 chân và đã hót hui ở kỳ thứ ba, bà L đã đóng hui chết được 19 lần còn lại 7 lần chưa đóng số tiền là 14.000.000 đồng; Dây hui mở ngày 19/9/2019 âm lịch loại hui 2.000.000 đồng/tháng, có 29

hội viên, bà L tham gia 01 chân và đã hốt hội ở kỳ thứ 6, bà L đã đóng hội chết được 12 lần còn lại 11 lần chưa đóng số tiền là 22.000.000 đồng; Dây hội mở ngày 19/11/2019 âm lịch loại hội 2.000.000 đồng/tháng, có 26 hội viên, bà L tham gia 01 chân và đã hốt hội ở thứ nhất, bà L đã đóng hội chết được 16 lần còn lại 9 lần chưa đóng số tiền là 18.000.000 đồng; Dây hội mở ngày 26/12/2018 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng/tháng, có 37 hội viên, bà L tham gia 03 chân và đã hốt hội cả ba chân. Bà L đã đóng hội chết được 25 lần còn lại 9 lần chưa đóng của 3 chân hội với số tiền là $9.000.000 \times 3 = 27.000.000$ đồng. Sau khi hốt hội thì bà L còn nợ lại tiền hội chưa đóng là 78.000.000 đồng nên bà yêu cầu bà L trả tiền hội còn thiếu cho bà.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị D2 trình bày: bà L tham gia hội của vợ chồng bà 04 dây hội, bà L đã hốt hội, bà đã giao hội đầy đủ cho bà L. Đến tháng 11 năm 2021 bà L đóng hội lần cuối được 3.000.000 đồng sau đó bỏ đi cho đến nay. Bà có liên hệ với bà L qua điện thoại có hứa hẹn trả tiền hội cho bà nhưng đến nay không trả do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả lại vợ chồng bà số tiền hội còn thiếu là 78.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Văn D1 thống nhất với lời trình bày của bà D2 và vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 471 Bộ luật dân sự, Điều 16 **Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường**, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà L trả tiền hội còn thiếu cho bà D2, ông D1 số tiền 78.000.000 đồng. Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị D2 và ông Lê Văn D1 yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả tiền hội, tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp dân sự về hội thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện M theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng đã bỏ địa phương đi vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung: Bà D2, ông D1 cho rằng bà L có tham gia hội do vợ chồng bà làm chủ, đã hốt hội và không đóng lại tiền hội còn thiếu tổng cộng là 78.000.000 đồng.

Xét thấy, ông D1, bà D2 làm chủ hội chỉ lập danh sách hội viên nhưng không ghi họ tên, địa chỉ cụ thể; bà L là hội viên nhưng khi bà D2, ông D1 giao tiền hội được nhận cho bà L không có biên nhận hoặc tài liệu thể hiện đã giao hội cho bà L vi phạm các quy định tại Điều 12, 13 14 của **Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường**. Khi bà L ngừng đóng hội cũng không có thông báo cho các hội viên tham gia cùng dây hội, việc hội viên ngừng đóng hội; sau khi hội mãn cũng không có biên bản đối chiếu giữa các bên số tiền bà L còn nợ lại. Đối với xác nhận của hội viên có xác nhận của trưởng ấp thì thấy rằng, hội viên chỉ ký xác nhận vào văn bản trong khi có dây hội mà mình không tham gia mà cũng xác nhận và số tiền hội còn thiếu trong dây hội không xác định còn thiếu cụ thể là bao nhiêu nên xác nhận này không chính xác hoàn toàn và bà D2, ông D1 không có văn bản hay tài liệu nào khác thể hiện bà L còn nợ tiền hội sau khi mãn như lời trình bày nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D2, ông D1 về việc đòi tiền hội bà L.

Đề nghị của kiểm sát viên không phù hợp với phân tích trên nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu của bà Nguyễn Thị D2 và ông Lê Văn D1 không được chấp nhận nên phải chịu án phí là 78.000.000 đồng x 5% = 3.900.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 144; khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Điều 12,13,14 **Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường**.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị D2 và ông Lê Văn D1. đòi với bà Nguyễn Thị L về việc trả tiền hội 78.000.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị D2 và ông Lê Văn D1 phải chịu 3.900.000 đồng, bà D2, ông D1 đã nộp tạm ứng án phí đã nộp số tiền 1.950.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010573 ngày 22/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh C. chuyển thu án phí, án phí phải nộp tiếp là 1.950.000 (Một triệu, chín trăm năm mươi ngàn) đồng.

- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh C.;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Hằng